

Số: /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 12 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 Chính phủ về kiểm soát các thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4626/QĐ-BNN-LN ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 997/TTr-SNN ngày 23/12/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung (02 TTHC cấp tỉnh) và phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của TTHC tại Quyết định này được công khai trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC (địa chỉ: [csdl.dichvucong.gov.vn](http://csdl.dichvucong.gov.vn)); Cổng Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: [dichvucong.hoabinh.gov.vn](http://dichvucong.hoabinh.gov.vn)), Cổng Thông tin điện tử tỉnh (địa chỉ: [hoabinh.gov.vn](http://hoabinh.gov.vn)), Trang Thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh (địa chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>), Trang Thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (địa chỉ: <https://sonongnghiep.hoabinh.gov.vn/>).

**Điều 2.** Các thủ TTHC công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/01/2025.

**Điều 4.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao:

**1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Đồng bộ đầy đủ, kịp thời dữ liệu TTHC tại Quyết định này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC lên Cổng Dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan căn cứ quy trình tại Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo quy định. Thời gian trước ngày 05/01/2025.

**2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh** đăng tải công khai Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, NVK (Ng.20b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Toàn**

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÒA BÌNH  
(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Sửa đổi, bổ sung 02 TTHC cấp tỉnh công bố tại Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên TTHC/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Tên VBQPPL quy định nội dung thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
					Tiếp nhận	Trả kết quả	
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
1	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế Mã TTHC: 1.007917.000.00.00.H28	- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	x	x	Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT (Khoản 2 Điều 2)
		- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không			
2	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế Mã TTHC: 1.007916.000.00.00.H28	- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	x	x	Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT (Điều 2)

		<p>- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn:</p> <p>+ Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 57 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 37 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế; 42 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không			

**PHẦN II.** Các Nội dung cụ thể còn lại của từng TTHC tại Quyết định này được thực hiện theo Quyết định số 4626/QĐ-BNN-LN ngày 23/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (địa chỉ: [csdl.thutuchanhchinh.gov.vn](http://csdl.thutuchanhchinh.gov.vn)), Công Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: [dichvucong.hoabinh.gov.vn](http://dichvucong.hoabinh.gov.vn)), Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang Thông tin điện tử của các cơ quan liên quan.

**Phụ lục II**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÒA BÌNH**  
(kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày            tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Tổng số ngày	Trình tự thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông (ngày)					
			Trong đó					
			Cơ quan/đơn vị chủ trì					Cơ quan/ đơn vị phối hợp (Nêu rõ tên cơ quan/đơn vị)
			Thời gian giải quyết	Trung tâm phục vụ HCC tỉnh (B1: Tiếp nhận hồ sơ)	Chi cục Kiểm lâm (B2: Xem xét, giải quyết hồ sơ)	Lãnh đạo Sở (B3: Ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh/UBND cấp huyện)	Văn thư Sở (B4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm phục vụ HCC)	
1	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế Mã TT: 1.007917.000.00.00.H28	30 ngày	20	0,5	18	01	0,5	Ủy ban nhân dân tỉnh: 10
		45 ngày	35	0,5	33	01	0,5	Ủy ban nhân dân tỉnh: 10
2	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế Mã TT: 1.007916.000.00.00.H28	- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 22 ngày	4,0	0,25	2.5	01	0,25	1. Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 2. Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh; 3. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về

								việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ số tiền của chủ dự án nộp.
		<p>- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: + Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 57 ngày</p>	04	0,25	2,5	01	0,25	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 ngày  <b>* Trả lời về việc bố trí địa điểm trồng rừng thay thế:</b>  1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế cung cấp thông tin về địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng trên địa bàn tỉnh tại thời điểm chủ dự án đề nghị nộp tiền: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân tỉnh.  2. Ủy ban nhân dân tỉnh nơi tiếp nhận nguồn kinh phí trồng rừng thay thế có văn bản xác nhận về việc bố trí địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.  <b>* Hoàn thành nghĩa vụ</b></p>

							<p><b>trồng rừng thay thế:</b></p> <p>1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế: Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân tỉnh nơi đề nghị nộp tiền có văn bản gửi chủ dự án về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>3. Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>4. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi đề nghị nộp tiền chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để thực hiện trồng rừng tại</p>
--	--	--	--	--	--	--	--

								địa phương khác và có văn bản gửi chủ dự án thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày chủ dự án nộp đủ tiền trồng rừng thay thế. 5. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế theo quy định: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ tiền trồng rừng thay thế.
		+ Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 37 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo	4,0	0,25	2,5	01	0,25	Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 ngày <b>* Hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế:</b> 1. Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 2. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày

		đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.						<p>nhận đủ số tiền của chủ dự án nộp.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>4. Chủ dự án phải nộp bổ sung số tiền chênh lệch vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của UBND tỉnh.</p>
		42 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.	4,0	0,25	2,5	01	0,25	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 ngày</p> <p><b>* Hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế:</b></p> <p>1. Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp tỉnh.</p> <p>2. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ số tiền của chủ dự án nộp.</p> <p>3. UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được</p>

								<p>văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>4. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi nộp hồ sơ: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh gửi chủ dự án.</p>
--	--	--	--	--	--	--	--	---

